

A, ngày 13 tháng 8 năm 2020

Số: 433/2020/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 387/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa:

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện A, Thành phố Hà Nội.

* **Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1987.

Hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện A, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Số 25, Tổ 3, thị trấn A, huyện A, Thành phố Hà Nội.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị L và Anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và Anh Trần Văn T sinh được 02 con chung là Trần Duy A, sinh ngày 09/10/2013 và Trần Đức A, sinh ngày 26/5/2016.

Ly hôn Chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi con chung Trần Đức A, sinh ngày 26/5/2016, Anh Trần Văn T trực tiếp nuôi con chung Trần Duy A, sinh ngày

09/10/2013. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau cho đến khi con chung của anh, chị thành niên hoặc khi có quyết định khác của Tòa án.

Chị Nguyễn Thị L và Anh Trần Văn T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của Chị Nguyễn Thị L và Anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) Chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu cả nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0016445 ngày 15/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Chị Nguyễn Thị L được trả lại số tiền 150.000 đồng trong số tiền 300.000 đồng đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND T.P Hà Nội.
- VKSND huyện A.
- Chi cục THADS huyện A.
- Những người tham gia tố tụng.
- UBND xã Tiên Dương.
- (Giấy CNKH số:134;
- Quyển số: 01 ngày 05/11/2012).
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Đỗ Thị Vân

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

A, ngày tháng 8 năm 2020

BIÊN BẢN HOÀ GIẢI

Hôm nay, ngày.....tháng 8 năm 2020, vào hồi..... giờ.....phút.
Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A - Thành phố Hà Nội bắt đầu tiến hành phiên hoà giải để các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 387/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2020.

I/ Những người tiến hành tố tụng:

Thẩm phán - Chủ trì phiên hoà giải: Bà **Đỗ Thị Vân**.

Thư ký Toà án ghi biên bản hoà giải: Ông **Thịnh Quang Trung**.

II/ Những người tham gia phiên hoà giải:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1987.

HKTT: Thôn C, xã T, huyện A, Hà Nội.

Có mặt: Chị L, Anh T.

PHẦN THỦ TỤC BẮT ĐẦU PHIÊN HOÀ GIẢI

- Thư ký Toà án báo cáo về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên hoà giải đã được Toà án thông báo.

- Thẩm phán chủ trì phiên hoà giải kiểm tra lại sự có mặt và căn cước của những người tham gia phiên hoà giải.

- Thẩm phán chủ trì phiên hoà giải phổ biến cho các đương sự biết các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để các bên liên quan liên hệ đến quyền, nghĩa vụ của mình, phân tích hậu quả pháp lý của việc hoà giải thành để họ tự nguyện thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

**PHẦN TRÌNH BÀY CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƯƠNG SỰ**

*** Nguyên đơn, Chị Nguyễn Thị L trình bày:**

- Về tình cảm: Tôi kết hôn với Anh Trần Văn T ngày 05/11/2012 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sinh sống tại Thôn C, xã T, huyện A, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng tôi xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không phù hợp nhau, bất đồng quan điểm. Nay tôi xác định tình cảm không còn, tôi yêu cầu được ly hôn Anh T.

- Về con chung: Tôi và Anh T sinh được 02 con chung là Trần Duy Anh, sinh ngày 09/10/2013 và Trần Đức Anh, sinh ngày 26/5/2016.

Ly hôn tôi trực tiếp nuôi con chung Trần Đức Anh, sinh ngày 26/5/2016, để Anh T trực tiếp nuôi con chung Trần Duy Anh, sinh ngày 09/10/2013. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn, Anh Trần Văn T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với Chị L ngày 05/11/2012 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sinh sống tại Thôn C, xã T, huyện A, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng tôi xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không phù hợp nhau, bất đồng quan điểm. Nay tôi xác định tình cảm không còn, tôi đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Tôi và Chị L sinh được 02 con chung là Trần Duy Anh, sinh ngày 09/10/2013 và Trần Đức Anh, sinh ngày 26/5/2016.

Ly hôn tôi trực tiếp nuôi con chung Trần Duy Anh, sinh ngày 09/10/2013, để Chị L nuôi con chung Trần Đức Anh, sinh ngày 26/5/2016. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**PHẦN CÁC ĐƯƠNG SỰ ĐÃ THỎA THUẬN ĐƯỢC
VÀ KHÔNG THỎA THUẬN ĐƯỢC:**

Các đương sự thỏa thuận được với nhau như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L xin ly hôn, Anh Trần Văn T đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và Anh Trần Văn T sinh được 02 con chung là Trần Duy Anh, sinh ngày 09/10/2013 và Trần Đức Anh, sinh ngày 26/5/2016.

Ly hôn Chị L trực tiếp nuôi con chung Trần Đức Anh, sinh ngày 26/5/2016, Anh T trực tiếp nuôi con chung Trần Duy Anh, sinh ngày 09/10/2013. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và Anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: án phí ly hôn hai bên thỏa thuận để Chị L chịu cả.

**NHỮNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THEO YÊU CẦU
CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM GIA PHIÊN HOÀ GIẢI: KHÔNG**

Phiên hoà giải kết thúc vào hồi giờ.....phút cùng ngày. Các đương sự đã tự đọc lại biên bản và nhất trí ký tên dưới đây.

Các đương sự
Tham gia phiên hoà giải

Thư ký Tòa án
Ghi biên bản hoà giải

Thẩm phán
Chủ trì phiên hoà giải

Ngô Thị Thu Hà

Đỗ Thị Vân

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

A, ngày tháng 8 năm 2020

**BIÊN BẢN
GHI NHẬN SỰ TỰ NGUYỆN LY HÔN VÀ HOÀ GIẢI THÀNH**

- Căn cứ vào Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào biên bản hoà giải ngày tháng 8 năm 2020;

Xét thấy các đương sự thật sự tự nguyện ly hôn và đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 387/2020/TLST-LH ngày 15/7/2020.

Lập biên bản hoà giải thành do các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết các vấn đề có tranh chấp trong vụ án do các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án;

Cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L xin ly hôn, Anh Trần Văn T đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và Anh Trần Văn T sinh được 02 con chung là Trần Duy Anh, sinh ngày 09/10/2013 và Trần Đức Anh, sinh ngày 26/5/2016.

Ly hôn Chị L trực tiếp nuôi con chung Trần Đức Anh, sinh ngày 26/5/2016, Anh T trực tiếp nuôi con chung Trần Duy Anh, sinh ngày 09/10/2013. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và Anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: án phí ly hôn hai bên thỏa thuận để Chị L chịu cả.

Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, nếu đương sự nào có thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận trên đây, thì phải làm thành văn bản gửi cho Tòa án. Hết thời hạn này, nếu không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó, thì Tòa án ra quyết định công nhận đương sự thỏa thuận của các đương sự và quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Các đương sự
Tham gia phiên hoà giải

Thư ký Tòa án
Ghi biên bản hoà giải

Thẩm phán
Chủ trì phiên hoà giải

Ngô Thị Thu Hà

Đỗ Thị Vân

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**
-----***-----

**BIÊN BẢN
VỀ KIỂM TRA VIỆC GIAO NỘP,
TIẾP CẬN, CÔNG KHAI CHỨNG CỨ**

Vào hồi..... giờphút, ngày.....tháng 8 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A.

Bắt đầu tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vụ án
Hôn nhân gia đình thụ lý số: 387/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020.

I/ Thành phần tham gia phiên họp:

Thẩm phán - Chủ trì phiên họp: Bà **Đỗ Thị Vân**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Ngô Thị Thu Hà.

II/ Những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1987.

HKTT: Thôn C, xã T, huyện A, Hà Nội.

Có mặt: Chị L, Anh T.

PHẦN THỦ TỤC BẮT ĐẦU PHIÊN HỌP

- Thư ký Tòa án báo cáo về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên họp đã được Tòa án thông báo.
- Thẩm phán chủ trì phiên họp kiểm tra lại sự có mặt và căn cước của những người tham gia phiên họp.
- Thẩm phán chủ trì phiên họp phổ biến cho các đương sự về quyền và nghĩa vụ của họ.

**KIỂM TRA VIỆC GIAO NỘP,
TIẾP CẬN, CÔNG KHAI CHỨNG CỨ**

1. Thẩm phán công bố tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.
2. Ý kiến của các đương sự và người đại diện hợp pháp của các đương sự:
Không có.
3. Các nội dung khác (nếu có): Không.

**THẨM PHÁN XEM XÉT CÁC Ý KIẾN,
GIẢI QUYẾT CÁC YÊU CẦU CỦA ĐƯƠNG SỰ
VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

.....
.....
.....
.....
.....

**NHỮNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THEO YÊU CẦU
CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM GIA PHIÊN HỌP**

.....
.....

Việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ kết thúc vào
hồigiờ..... phút, ngày..... tháng 8 năm 2020.

**CÁC ĐƯƠNG SỰ THAM
GIA PHIÊN HỌP**

**THƯ KÝ TÒA ÁN GHI BIÊN
BẢN PHIÊN HỌP**

**THẨM PHÁN
CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP**

Ngô Thị Thu Hà

Đỗ Thị Vân

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

A, ngày 02 tháng 3 năm 2020

Số: 96/2019/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 87/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị Thanh Hải, sinh năm 1979.

Hộ khẩu thường trú: Tập thể xưởng VLXD Bưu điện Mai Lâm, huyện A, Thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Ông Bùi Ngọc Linh, sinh năm 1975.

Hộ khẩu thường trú: Tập thể xưởng VLXD Bưu điện Mai Lâm, huyện A, Thành phố Hà Nội.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Đỗ Thị Thanh Hải và ông Bùi Ngọc Linh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà Đỗ Thị Thanh Hải và ông Bùi Ngọc Linh sinh được 02 con chung là Bùi Ngọc Hải Nam, sinh ngày 20/10/2003 và Bùi Ngọc Linh Đan, sinh ngày 28/12/2009.

Ly hôn, bà Đỗ Thị Thanh Hải trực tiếp nuôi con chung Bùi Ngọc Linh Đan, sinh ngày 28/12/2009. Ông Bùi Ngọc Linh trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Ngọc Hải Nam, sinh ngày 20/10/2003. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi con chung của ông, bà thành niên hoặc khi có quyết định khác của Tòa án.

Bà Đỗ Thị Thanh Hải và ông Bùi Ngọc Linh đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị Thanh Hải và ông Bùi Ngọc Linh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) bà Đỗ Thị Thanh Hải tự nguyện chịu cả nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0015404 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà Đỗ Thị Thanh Hải được trả lại số tiền 150.000 đồng trong số tiền 300.000 đồng đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND T.P Hà Nội.
- VKSND huyện A.
- Chi cục THADS huyện A.
- Những người tham gia tố tụng.
- UBND xã Mai Lâm.
- (Giấy CNKH số:23;
- Quyển số: 01 ngày 13/3/2002).
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Đỗ Thị Vân

